

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Ngôn.

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trương Thị Như Q, sinh năm: 1991. (có mặt).

Địa chỉ: số 927/11A, khóm Đ, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

Bị đơn: ông Trần Thanh T, sinh năm: 1981. (vắng mặt).

Địa chỉ: số 166/14B, khóm M, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà Trương Thị Như Q trình bày: bà và ông T sống chung năm 2017, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ Phước, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, bà về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 01/2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, ông T cũng không tới lui thăm con từ tháng 01/2019 đến nay, do đó bà yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 07/9/2018. Hiện cháu N đang sống với bà Q, sau khi ly hôn, bà Q yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Bị đơn ông Trần Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không thể ghi nhận ý kiến của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Như Q; về con chung Trần Thị Kim N hiện đang được bà Q nuôi dưỡng ổn định nên chấp nhận yêu cầu của bà Q giao cháu N cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng.

- Bà Q yêu cầu ông T cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng, tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa ông T không thể hiện ý kiến về việc cấp dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 82, Điều 107, 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà Q, buộc ông T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Như Q vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Trần Thanh T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Trương Thị Như Q yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh T. Ông T có nơi cư trú tại khóm M, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Thị Như Q và ông Trần Thanh T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Khi vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, trong quá trình giải quyết vụ án bà Q xác định không còn tình cảm với ông T, giữa vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nên bà vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, ông T cũng không có ý

kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Q. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, bà Q xác định không thể tiếp tục chung sống cùng với ông T, hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 01 năm nay, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không cố gắng hàn gắn, duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 07/9/2018 hiện đang sống với bà Q. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi bà Q và ông T không còn chung sống với nhau thì cháu N vẫn sống chung với bà Q cho đến nay, cháu vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặt khác, cháu N cũng chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ, trong quá trình giải quyết vụ án thì ông T cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của bà Q.

Xét thấy, trong thời gian cháu N sống với bà Q cháu đã ổn định về chỗ ở, điều kiện sinh hoạt, tâm tư, tình cảm của cháu cũng gắn liền với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu N, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: theo quy định pháp luật, sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới $\frac{1}{2}$ (một phần hai) mức lương cơ sở do nhà nước quy định đối với một người con chưa thành niên. Bà Q yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thị Kim N mỗi tháng 1.500.000 đồng là không phù hợp quy định pháp luật, bà Q cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông T có thu nhập và điều kiện đảm bảo để cấp dưỡng số tiền trên. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng không ghi nhận được ý kiến của ông T đối với yêu cầu của bà Q.

Do đó, chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Như Q. Buộc ông Trần Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Thị Kim N mỗi tháng 745.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N thành niên. Mức cấp dưỡng được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà Q trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: bà Q phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 12, khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Như Q.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Thị Như Q được ly hôn với ông Trần Thanh T. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 103, ngày 17/7/2018 do UBND phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: bà Trương Thị Như Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 07/9/2018.

Ông T không trực tiếp nuôi con chung nhưng ông có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông T thực hiện quyền này.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: buộc ông Trần Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trần Thị Kim N, sinh ngày 07/9/2018 mỗi tháng là 745.000 đồng (*Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N thành niên. Mức cấp dưỡng được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: ghi nhận bà Trương Thị Như Q xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Trương Thị Như Q và ông Trần Thanh T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị Như Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0009964 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà Q đã nộp xong.

Ông Trần Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trương Thị Như Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Trần Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- UBND phường Mỹ Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ
- VP (5)/.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Diệu Tiên